

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày: 24/11/2022

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thâm phán:

ông Phạm Việt Cường

ông Mai Xuân Thành

- *Thư ký phiên tòa*: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:  
ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 476/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Thanh P và đồng phạm về tội “Giết người”, tội “Gây rối trật tự công cộng”. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 10/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022.

**Bí cáo:**

1. Họ và tên: Phạm Thanh P (P khi), sinh năm 1994 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H và con bà Trần Thị G; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Võ Văn V (Đen Cướp), sinh năm 1994 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Xuân Q và con bà Đinh Thị M; tiền sử: không.

T án:

Năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giât tài sản”;

Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Công D, sinh năm 1994 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 80 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H và con bà Lê Thị B; có vợ tên là Nguyễn Thị Phụng H và 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Từ năm 2012 đến năm 2014 bị đưa đi giáo dục tại Cơ sở giáo dục H, tỉnh Quảng Trị.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/4/2021, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Ngô Thanh D (R), sinh năm 1994 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thanh H và con bà Dương Thị Lan A; có vợ tên là Trương Nguyễn K Đ; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Năm 2011 bị Công an quận S đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Năm 2012 đến năm 2014, bị đưa vào giáo dục tại Trường giáo dưỡng số 3 Đà Nẵng;

Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/4/2021, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trương Quốc K, sinh năm 1999 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quốc T và con bà Nguyễn Thị Thu T; tiền án: không.

T sự: năm 2020 bị Công an phường M, quận S xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với hình thức phạt tiền 750.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/4/2021, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Đặng Văn A (Ghẻ), sinh năm 1998 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 34, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và con bà Võ Thị Ngọc L; tiền án: không.

T sự: từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2019 bị bắt buộc đi cai nghiện tại Cơ sở xã hội B, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/4/2021, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Trương Quang H (U), sinh ngày 13/3/2003 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: K233/11 Ngô Quyền, tổ 24, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang h và con bà Trương Thị t; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 05/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Trương Văn H1 (T), sinh ngày 19/02/2002 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 57, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Trung e và con bà Lê Thị Thu t; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 12/4/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Lê Công H2, sinh năm 1999 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn t và con bà Nguyễn Thị t; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 21/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Ngô Văn T (T), sinh ngày 25/4/2003 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn P và con bà V Thị Đ; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 21/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Dương Thanh D, sinh năm 1999 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 30, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thanh H và con bà Phan Thị A; có vợ tên là Đỗ Thị Hương U và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 15/6/2021, có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Nguyễn V K D1, sinh năm 1999 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 27 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như DD và con bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 15/6/2021, có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: Huỳnh Lê Bảo D1 (C), sinh năm 1999 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh A V và con bà Lê Thị Cẩm B; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 15/6/2021, có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: Lê Văn T (T C), sinh năm 2001 tại Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT: tổ 12, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; tạm trú: phòng 301 chung cư A4, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và con bà Nguyễn Thị B; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 16/7/2021, có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: Tạ Bá Hoàng C (X), sinh ngày 21/3/2002 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 22, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Bá N và con bà Nguyễn Thị T; tiền sự: không.

T án: ngày 23/6/2020 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/3/2022, có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: Huỳnh Văn V, sinh năm 1998 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 14, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S và bà Võ Thị L; có vợ tên là Lê Thị Như P và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 22/3/2022, có mặt tại phiên tòa.

17. Họ và tên: Bùi Văn S (S), sinh năm 1991 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 19B, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và con bà Trần Thị Hồng Q; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 28/4/2021, có mặt tại phiên tòa.

18. Họ và tên: Nguyễn Thanh L (L Bò), sinh năm 1988 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và con bà Lê Thị Ái L; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Năm 2006 bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Năm 2012, 2015 và 2017 bị Công an quận T đưa đi cai nghiện tại Trung tâm giáo dục - dạy nghề 05-06;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

19. Họ và tên: Nguyễn Viết V, sinh năm 1987 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết S và con bà Nguyễn Thị Thanh T; có vợ tên là Ngô Thị Bích H và có 04 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: năm 2007 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/5/2021, vắng mặt.

20. Họ và tên: Nguyễn Xuân C (C Hối), sinh năm 1996 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 54, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc N và con bà Phạm Thị T; có vợ tên là Nguyễn Lê Hiếu T và có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Năm 2016 bị Công an phường C lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc; Ngày 29/10/2020 bị UBND quận S xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ...”;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/4/2021, vắng mặt.

21. Họ và tên: Nguyễn Quý Q, sinh ngày 08/9/2002 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và con bà Nguyễn Thị N; có vợ tên là Hoàng Minh Yến N và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 16/7/2021, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh P: ông Nguyễn Phước C, Luật sư - Công ty Luật TNHH Đ, Chi nhánh Đà Nẵng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn V: bà Dương Kim H, Luật sư - Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Công D: ông Hà Xuân B, Luật sư - Văn phòng luật sư Phước H1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thanh D: bà Nguyễn Thị H, Luật sư - Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Quốc K: ông Trần Văn H, Luật sư - Công ty luật TNHH A, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn A: ông Trần Văn Đ, Luật sư - Công ty luật C, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Quang H: ông Hà Đồng Thông, Luật sư - Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H1: ông Phạm Văn N, Luật sư - Văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Công H2: ông Nguyễn Văn Q, Luật sư - Công ty luật TNHH S, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn T: ông Võ Đình Đ, Luật sư - Công ty luật TNHH L, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Thanh D: ông Lê Hữu P, Luật sư - Công ty luật TNHH MTV H và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn V K D1: bà Lê Thị Xuân P, Luật sư - Công ty luật TNHH MTV X; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Lê Bảo D1: ông Nguyễn H V, Luật sư - Công ty luật TNHH MTV N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: ông Nguyễn Văn L, Luật sư - Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Tạ Bá Hoàng C: ông Trần Xuân V, Luật sư - Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn V: ông Nguyễn Phú C, Luật sư - Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn S: bà Nguyễn Thị Kiều D, Luật sư - Văn phòng luật sư V, Chi nhánh Đà Nẵng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 22/4/2021, Nguyễn Xuân C cùng với Huỳnh N (đã chết) và 02 thanh niên khác (là bạn của N chưa rõ lai lịch) ngồi nhậu tại quán Q (địa chỉ: quận S) do anh Phan Văn Phú K làm chủ. Tại đây, nhóm của C, N xảy ra mâu thuẫn với nhóm Nguyễn Văn H1, Võ Văn V, Ngô Văn T. Nhóm của H1 xông vào đánh nhóm của N, C. Tuy nhiên được mọi người tại quán can ngăn nên hậu quả xảy ra không đáng kể, sau đó hai nhóm ra về.

Đến tối ngày 25/4/2021, Ngô Văn T tổ chức sinh nhật tại quán Q, dự sinh nhật của T gồm có: Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Quốc K, Đặng Văn A, Trương Quang H, Trương Văn H1, Lê Công H2, Dương Thanh D, Nguyễn V K D1, Huỳnh Lê Bảo D1, Lê Văn T, Tạ Bá Hoàng C. Trong buổi tiệc sinh nhật, Đặng Văn A nói với V là Nguyễn Xuân C tìm đánh V. Nghe vậy, Phạm Thanh P nói với V là P quen biết C, để P gọi C nói chuyện. P lấy điện thoại của mình gọi cho C. Lúc này, Nguyễn Xuân C đang ngồi nhậu với Nguyễn Thanh L, Nguyễn Viết V tại nhà của V. Tại đây, C cũng đang nói chuyện với L, V về việc C, N có mâu thuẫn với nhóm của V tại quán Q vào tối ngày 22/4/2021, thì thấy P gọi điện thoại đến, C nghe điện thoại thì P hỏi C tại sao tìm đánh V. L nghe vậy liền giắt điện thoại của C và nói chuyện với P. L nói “Tau, L bò đây”, P nói lại “L bò kẹ mi”. Từ đó hai bên thách thức và hẹn đánh nhau tại đường dẫn lên cầu T thuộc quận S.

Sau khi nói chuyện, L liền đi lấy hung khí, C gọi cho Huỳnh N, Nguyễn Quý Q và một thanh niên tên Long (không xác định được). N gọi thêm “T” và một thanh niên khác (hiện chưa xác định được). Nhóm của L đi trên 3 xe máy, cụ thể: Nguyễn Xuân C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43E1-404.39 chở Nguyễn Thanh L, Huỳnh N điều khiển mô tô biển kiểm soát 43D1-715.02 chở Nguyễn Viết V, thanh niên tên Long chở Nguyễn Quý Q. Khi nhóm của L đến khu vực vòng xuyến X thì T và Nguyễn Mạnh H (sinh năm 1990, trú tổ 58 phường C, quận T là em ruột L) cũng đến tham gia nhóm. Nhóm của L tập hợp chia hung khí: C cầm 01 cây dao tự tạo; L cầm 01 cây dao tự tạo; N cầm 02 cây dao tự tạo; V cầm 01 cây dao tự tạo; Q cầm 01 kiếm tự tạo; hai người bạn của N cũng tự cầm hung khí đợi nhóm của P đến để đánh nhau. L điện thoại báo cho P biết là nhóm L đã đến điểm hẹn chờ nhóm của P.

Lúc này nhóm của P, V đang ngồi dự sinh nhật, L gọi điện đến thì P mở loa ngoài điện thoại cho tất cả cùng nghe, P nói “Tụi bay đến cầu T rồi à, đợi tao tý”. Lúc này, P và cả nhóm đứng dậy chuẩn bị đi đánh nhau. Võ Văn V bảo Lê Văn T đi lấy hung khí (số hung khí này do V đã cất giấu từ trước). T và Huỳnh Lê K D1 đi lấy một bao lát đựng nhiều loại hung khí đem đến quán Q để phân phát cho cả nhóm. Còn P thì tiếp tục gọi cho Ngô Thanh D, Phạm Công D, Bùi Văn S và Huỳnh Văn V cùng tham gia đi đánh nhau. Sau khi nhận điện thoại của P thì D đem theo 01 khẩu súng bắn cá, S đi gặp Nguyễn Thành Nhân yêu cầu Nhân đưa lại khẩu súng săn

mà S nhờ Nhân cất trước đó. Khi D, D, S và V đến quán Q, thì nhóm của P từ quán Q cũng ra ngoài lấy hung khí đi đánh nhau.

Khi nhóm của Phạm Thanh P đến vòng xuyên đường X thì gặp nhóm của Nguyễn Thanh L. Hai nhóm dàn hàng ngang tiếp tục chửi thề và thách thức đánh nhau. Do nhóm của P đông người hơn, nhiều loại hung khí và có cả súng săn, nên đã vây đánh nhóm của L. Khi nghe tiếng súng nổ (hiện chưa xác định được đối tượng nào, chỉ biết là đối tượng đội mũ cối trong nhóm Nguyễn Thanh L), thì cả hai nhóm xông vào dùng hung khí đâm, chém về phía đối phương, ném đá qua lại với nhau. cụ thể:

1. Đối với nhóm của Nguyễn Thanh L: Nguyễn Xuân C cầm 01 cây dao cán bằng gỗ; Nguyễn Thanh L, Huỳnh N, Nguyễn Quý Q và Nguyễn Viết V mỗi người cầm 01 kiếm tự tạo bằng kim loại dài khoảng 50 đến 60cm; đối tượng đội mũ cối cầm 01 vật giống súng. Tất cả cùng tham gia đánh nhau, nhưng không gây tương tác cho ai.

2. Đối với nhóm của Phạm Thanh P:

Khi nhóm của P cùng hô “Một, hai, ba”, thì tất cả cùng xông lên đánh nhóm L, nhóm L vừa chống đỡ, vừa lùi lại. Trong lúc đánh nhau, L xông lên đánh thì bị P cầm cây 03 chĩa đâm trúng vào người gây thương tích ở tay trái và người, cùng lúc này có một nam thanh niên khác (chưa rõ lai lịch) cầm kiếm tự tạo chém L, L đưa tay lên đỡ bị thương tích ở bàn tay phải. Còn Nguyễn Viết V thì bị Võ Văn V dùng cây ba chĩa đâm trúng vùng mặt, vùng ngực và nhiều chỗ trên người. Các đối tượng còn lại trong nhóm P đã tham gia như sau: Phạm Công D lúc đầu mang theo một cây súng bắn cá bằng gỗ màu đen dài khoảng 50cm, nhưng D không sử dụng mà đưa cho Trương Quang H sử dụng, còn D lấy 01 khẩu súng bắn bi hơi của Ngô Thanh D sử dụng đe dọa nhóm của L. Sau đó D tiếp tục giật trên tay H một cây tuýp sắt dài khoảng 1,5m màu trắng bằng kim loại để đánh nhau (cây tuýp sắt này sau đó D đem vứt xuống sông); Trương Quang H lúc đầu cầm 01 dao phóng lợn, sau đó D đến giật lấy dao phóng lợn và đưa lại cho H 01 cây súng bắn cá, tuy nhiên H chưa gây thương tích cho ai (cây súng này H vứt lại hiện trường); Bùi Văn S và Trương Văn H1 lấy đá ven đường ném về phía nhóm L (không rõ có trúng ai không); S lấy 01 cây đao tự chế, làm bằng kim loại, dài khoảng 50cm từ một người trong nhóm, xông vào cùng đánh nhóm L; Đặng Văn A cầm 01 cây gỗ dài khoảng 70cm ở bụi cây gần đó xông tới, sau đó A tiếp tục nhặt 01 dao tự chế dài khoảng 50cm xông vào chém nhưng không trúng ai; Ngô Thanh D dùng 01 cây ba chĩa (do P đưa trước đó tại quán) lao vào đánh người trong nhóm L, nhưng chưa trúng ai. Sau đó cây ba chĩa bị gãy nên D vứt lại hiện trường. D chạy đến giật lấy 01 khẩu súng trên tay của D đang cầm, rồi cầm súng, hướng nòng súng về phía nhóm L và thách thức “Thách tui mày vào đây” (súng này sau đó D đưa lại cho Bùi Văn S cất); Lê Văn T dùng 01 cây ba



trắc bằng kim loại dài khoảng 50 cm đường kính 3cm để tham gia đánh nhau, khi đánh nhau thì T đứng sau P và hô hào đánh nhau, tuy nhiên chưa gây thương tích cho ai; Lê Công H2 sử dụng 01 cây dao phúng lợn dài khoảng 02 mét chém 3 cái về phía nhóm L, sau khi đánh nhau H2 đã rút dao lại hiện trường; Dương Thanh D cầm 01 cây mác dài khoảng 1,2 mét, xông vào đánh nhau với nhóm L thì bị nhóm L đánh lại làm rớt cây mác và làm D bị thương tích nhẹ ở tay, nên D chạy lại phía sau lấy 01 cây gỗ dài khoảng 1,3m để sử dụng, tuy nhiên không đánh trúng ai; Ngô Văn T dùng 01 bình xịt hơi cay tham gia đánh nhau với nhóm L; Huỳnh Lê Bảo D1 cầm 01 cây dao tự chế dài khoảng 70cm để đi đánh nhau nhưng đứng ngoài chưa đánh ai; Nguyễn V K D1 cầm 01 cây đao mèo dài khoảng 80cm (lưỡi dài 60cm, cán dài 20cm) nhưng do đao ngắn nên K D1 không tham gia tấn công được mà lùi lại lấy đá ném về phía nhóm L; Tạ Bá Hoàng C dùng một thanh nhôm dài khoảng 50cm để tấn công nhóm L, nhưng do hung khí ngắn nên không tấn công được ai; Huỳnh Văn V dùng một cây gỗ dài khoảng 1m, lao vào đánh nhau với nhóm L, nhưng không đánh trúng ai; Trương Quốc K thì sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 43E1-37125 (xe của mẹ K) dùng để chở Đặng Văn A đi tham gia đánh nhau, nẹt bô xe mô tô cổ vũ cho nhóm đánh nhau.

Hai nhóm đánh nhau làm ách tắc giao thông, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Nhóm của P có số người đông hơn, nhiều loại hung khí, có cả súng săn nên vây đánh nhóm của L gây thương tích cho L và V. Khi nghe tiếng hô hoán “Công an đến” hai nhóm tẩu thoát và tự giải tán. N và Long đưa V ra ngoài đường thì gặp và nhờ Nguyễn Đăng Phây đưa đi cấp cứu, Nguyễn Xuân C chở Nguyễn Thanh L đi cấp cứu.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 97/TgT ngày 20/5/2021 của Trung tâm Pháp y thành phố Đà Nẵng về thương tích của Nguyễn Thanh L như sau: Vết thương vùng sau cổ H1 (*tỷ lệ thương tích là 02%*); vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải H2 (*tỷ lệ thương tích là 01%*); vết thương mặt mu bàn tay phải: Đứt cánh trong gân duỗi ngón III, đứt hoàn toàn gân duỗi ngón IV và bao khớp, gãy xương bàn IV đã điều trị phẫu thuật khâu gân nối H3, (*tỷ lệ thương tích là 08%*); vết thương gan ngón I tay trái đi qua khớp liên đốt, đứt hoàn toàn gân gấp sâu tại vị trí bám tận, đã điều trị phẫu thuật khoan xuyên xương, khâu gân đầu gân gấp sâu, khâu đóng kín da H4 (*tỷ lệ thương tích là 07%*); vết thương mặt mu ngón cái, tay trái H5 (*tỷ lệ thương tích là 01%*); vết thương mặt gan ngón III tay trái H6 (*tỷ lệ thương tích là 01%*); vết thương mặt gan vị trí ngón IV, V tay trái H7 (*tỷ lệ thương tích là 01%*). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 19% (mười chín phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 130/TgT ngày 02/7/2021 của Trung tâm Pháp y thành phố Đà Nẵng về thương tích của Nguyễn Viết V như

sau: Vết thương H1 xuyên thấu hàm mặt - sàn sọ (*tỷ lệ thương tích là 19%*); vết thương thấu ngực H4, H5 (*tỷ lệ thương tích là 27%*); vết thương bờ hàm dưới, bên phải H3 (*tỷ lệ thương tích là 03%*); vết thương mặt mu đốt 1 (Một) ngón 2 (Hai) bàn tay trái H6 (*tỷ lệ thương tích là 01%*). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 46% (bốn mươi sáu phần trăm).

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 10/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Quốc K, Đặng Văn A, Trương Quang H, Trương Văn H1, Lê Công H2, Dương Thanh D, Nguyễn V K D1, Huỳnh Lê Bảo D1, Lê Văn T, Ngô Thanh D, Bùi Văn S, Phạm Công D, Ngô Văn T (T), Tạ Bá Hoàng C và Huỳnh Văn V phạm tội “Giết người”.

- Các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Viết V và Nguyễn Quý Q phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Căn cứ điểm a, n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt Võ Văn V 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2021.

2. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thanh P 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2021.

3. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T 9 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2021.

4. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tạ Bá Hoàng C 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/3/2022.

5. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Văn A 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2021.

6. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Thanh D 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2021.

7. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Công D 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2021.

8. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Công H2 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2021.

9. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Văn H1 7 (bảy) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 31/2022/HS-PT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 15 (mười lăm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2021.

10. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Quang H 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2021.

11. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Dương Thanh D 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2021.

12. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn V K D1 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2021.

13. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Lê Bảo D1 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2021.

14. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn S 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2021.

15. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Văn T (T) 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2021.

16. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Quốc K 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2021.

17. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2022.

18. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/5/2021.

19. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2021.

20. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quý Q 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2021.

21. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Viết V 01 (một) năm 5 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/5/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 17, 18 và 21 tháng 9 năm 2022 các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Tạ Bá Hoàng C, Lê Văn T, Nguyễn Quý Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm đối với các bị cáo với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng thêm tình tiết định khung “có tổ chức” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 123 và điểm a khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo. Tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Phạm Công D, Ngô Thanh D, Trương Quốc K, Đặng Văn A, Trương Quang H, Trương Văn H1, Lê Công H2, Ngô Văn T (T), Dương Thanh D, Nguyễn V K D1, Huỳnh Lê Bảo D1, Lê Văn T, Tạ Bá Hoàng C, Huỳnh Văn V, Bùi Văn S về tội “Giết người”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T trình bày giữ nguyên kháng cáo. Các bị cáo Tạ Bá Hoàng C, Nguyễn Quý Q trình bày tự nguyện rút kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: kháng cáo của các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Tạ Bá Hoàng C, Lê Văn T, Nguyễn Quý Q và kháng nghị số 287/QĐ-VKS-P2 ngày 23/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là

trong thời hạn luật định.

Tại phiên tòa các Luật sư Dương Kim Huệ, Nguyễn H Vĩnh bào chữa cho các bị cáo Võ Văn V, Huỳnh Lê Bảo D1 vắng mặt và được các bị cáo V, Bảo D1 đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư; các bị cáo Nguyễn Viết V, Nguyễn Xuân C vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các Luật sư Dương Kim Huệ, Nguyễn H Vĩnh và xét xử vắng mặt các bị cáo Nguyễn Viết V, Nguyễn Xuân C theo Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu rút toàn bộ kháng nghị số 287/QĐ-VKS-P2 ngày 23/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; các bị cáo Tạ Bá Hoàng C, Nguyễn Quý Q trình bày tự nguyện rút kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Tạ Bá Hoàng C, Nguyễn Quý Q và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo bị kháng nghị phúc thẩm theo Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng:

Ngày 17, 18 và 21 tháng 9 năm 2022 các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Tạ Bá Hoàng C, Lê Văn T, Nguyễn Quý Q kháng cáo và ngày 23 tháng 9 năm 2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 10/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị nêu trên là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Viết V, Nguyễn Xuân C vắng mặt tại phiên tòa. Các Luật sư Dương Kim Huệ, Nguyễn H Vĩnh bào chữa cho các bị cáo Võ Văn V, Huỳnh Lê Bảo D1 vắng mặt và được các bị cáo V, Bảo D1 đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các Luật sư Dương Kim Huệ, Nguyễn H Vĩnh và xét xử vắng mặt các bị cáo Nguyễn Viết V, Nguyễn Xuân C theo Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày rút toàn bộ kháng nghị số 287/QĐ-VKS-P2 ngày 23/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Đà Nẵng; các bị cáo Tạ Bá Hoàng C, Nguyễn Quý Q trình bày tự nguyện rút kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Tạ Bá Hoàng C, Nguyễn Quý Q và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo bị kháng nghị phúc thẩm theo Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T:

[2.1]. Về tội danh:

Q trình điều tra, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T trình bày và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội được thể hiện: Vào tối ngày 25/4/2021 tại vòng xuyên đường X thuộc phường Nại Hiên Đông, quận S, thành phố Đà Nẵng các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Quốc K, Đặng Văn A, Trương Quang H, Trương Văn H1, Lê Công H2, Dương Thanh D, Nguyễn V K D1, Huỳnh Lê Bảo D1, Lê Văn T, Ngô Thanh D, Bùi Văn S, Phạm Công D, Ngô Văn T (T), Tạ Bá Hoàng C và Huỳnh Văn V đã có hành vi dùng cây ba chĩa, dao, mác, mã tấu, dao phóng lợn, súng săn, súng bắn cá, gậy gỗ, tuýp sắt, thanh nhôm, gạch, đá, bình xịt hơi cay đánh, chém, đâm, ném làm cho Nguyễn Viết V bị thương tích vùng ngực, đầu, mặt (là vùng trọng yếu của cơ thể) với tổng tỷ lệ thương tích là 46% (bốn mươi sáu phần trăm) và Nguyễn Thanh L bị thương tích vùng cổ (là vùng trọng yếu của cơ thể), vùng người, tay với tổng tỷ lệ thương tích là 19% (mười chín phần trăm). Đối với các bị cáo Ngô Thanh L, Nguyễn Viết V, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Quý Q đều thống nhất tập trung và chuẩn bị hung khí để đi đánh, chém người của nhóm Phạm Thanh P. Việc các bị cáo nhóm của L không chém được ai trong nhóm của P là do bị nhóm của P đông và mạnh hơn nên nhóm của L phải bỏ chạy. Trong quá trình đánh nhau và bỏ chạy thì các bị cáo trong nhóm của L đã hò hét làm mất trật tự, cản trở gây ách tắc giao thông tại khu vực đường X là tuyến giao thông quan trọng của thành phố Đà Nẵng, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo nêu trên phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án; phù hợp với lời khai của các bị hại, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và các Bản kết luận giám định về thương tích. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T về tội “Giết người” theo Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.2]. Về điều luật và mức hình phạt:

Thương tích của bị hại Nguyễn Viết V 46% và Nguyễn Thanh L 19% là do các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T và các bị cáo khác dùng hung khí trực tiếp gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhận định, đánh giá

về hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng cho các bị cáo theo quy định của pháp luật, từ đó xử phạt: bị cáo Phạm Thanh P 13 năm tù; bị cáo Võ Văn V 14 năm tù; bị cáo Trương Văn H1 07 năm tù; bị cáo Lê Văn T 08 năm tù đều theo điểm a, n (bị cáo V thêm điểm p) khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và không nặng.

Hành vi phạm tội “Giết người” của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Áp dụng theo Điều 348; Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét xử vắng mặt các Luật sư Dương Kim Huệ, Nguyễn H Vĩnh và xét xử vắng mặt các bị cáo Nguyễn Viết V, Nguyễn Xuân C. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Tạ Bá Hoàng C, Nguyễn Quý Q và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với các bị cáo Trương Quốc K, Đặng Văn A, Trương Quang H, Lê Công H2, Dương Thanh D, Nguyễn V K D1, Huỳnh Lê Bảo D1, Ngô Thanh D, Bùi Văn S, Phạm Công D, Ngô Văn T (T), Huỳnh Văn V, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Viết V. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T phạm tội “Giết người”.

3.1. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thanh P 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2021.

3.2. Căn cứ điểm a, n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt Võ Văn V 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2021.

3.3. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Văn H1 7 (bảy) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 31/2022/HS-PT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 15 (mười lăm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2021.

3.4. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T 9 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2021.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Phạm Thanh P, Võ Văn V, Trương Văn H1, Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-CA thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Quốc Cường**